

NGHỊ QUYẾT

**Về việc quy định mức giá đất trên địa bàn các huyện và
thành phố Buôn Ma Thuột, công bố ngày 01/01/2009**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK
KHOÁ VII - KỲ HỌP THỨ 11**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND và UBND năm 2004;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 188/2004/NĐ-CP, ngày 16/11/2004 của Chính phủ; Nghị định số 123/2007/NĐ-CP, ngày 27/7/2007 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 188/2004/NĐ-CP, ngày 16/11/2004 về phương pháp xác định giá đất và khung giá các loại đất;

Căn cứ Thông tư số 145/2007/TT-BTC, ngày 06/12/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 188/2004/NĐ-CP, ngày 16/11/2004 về phương pháp xác định giá đất và khung giá các loại đất và Nghị định số 123/2007/NĐ-CP, ngày 27/7/2007 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 188/2004/NĐ-CP;

Xét Tờ trình số 95/TTr-UBND, ngày 17 tháng 12 năm 2008 của UBND tỉnh đề nghị quy định giá đất trên địa bàn các huyện, thành phố năm 2009; Báo cáo thẩm tra số 46/BC-KTNS, ngày 12/12/2008 của Ban KTNS của HĐND tỉnh và ý kiến của các vị đại biểu HĐND tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định mức giá đất trên địa bàn các huyện và thành phố Buôn Ma Thuột, công bố ngày 01/01/2009, như sau:

1. Giá đất ở tại đô thị và nông thôn như 14 bản phụ lục kèm theo.
2. Giá đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp tại đô thị và nông thôn: Tính bằng 70% so với giá đất ở tại vị trí liền kề được quy định tại Khoản 1 Điều này.

3. Giá đất cho thuê tại Khu công nghiệp Hoà Phú, thành phố Buôn Ma Thuột: 60.000đồng/m²/năm; Cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp thành phố Buôn Ma Thuột: 70.000đồng/m²/năm; Cụm công nghiệp Ea Đar, huyện Ea Kar: 45.000đồng/m²/năm; Cụm công nghiệp Buôn Hồ, huyện Krông Búk: 45.000đồng/m²/năm; Cụm công nghiệp huyện Ea H'Leo: 35.000đồng/m²/năm (mức giá cho thuê trên chưa bao gồm chi phí xây dựng cơ sở hạ tầng).

Giá đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp khác: Giá đất được xác định bằng giá đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp.

Đối với đất nghĩa trang, nghĩa địa: Giá đất được xác định bằng giá đất nông nghiệp của hạng đất liền kề, trường hợp liền kề nhiều hạng đất thì tính theo giá đất hạng cao nhất.

4. Giá đất nông nghiệp trồng cây lâu năm, đất trồng cây hàng năm, đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản, đất lâm nghiệp:

a) Giá đất trồng cây lâu năm, trồng cây hàng năm có mức giá từ 4.000đồng/m² đến 12.000đồng/m² tương ứng với từng hạng đất theo quy định.

Giá đất trồng cây lâu năm, hàng năm tại các phường thuộc thành phố Buôn Ma Thuột được tính bằng 2 lần so với giá đất nông nghiệp cùng hạng.

Giá đất trồng cây lâu năm, hàng năm tại thị trấn các huyện và các xã thuộc thành phố Buôn Ma Thuột được tính bằng 1,5 lần so với giá đất nông nghiệp cùng hạng.

Đối với đất nông nghiệp, đất vườn ao nằm xen kẽ trong khu vực đất ở tại nông thôn, khu dân cư đô thị nhưng không được quy hoạch là đất ở hoặc đất phi nông nghiệp khác, thì giá đất được tính bằng 1,5 lần so với giá đất nông nghiệp hạng cao nhất cùng vùng.

b) Giá đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản có mức giá từ 4.000đồng/m² đến 6.000đồng/m² tương ứng với từng loại đất. Đối với đất là ao, hồ nằm xen kẽ nằm trong khu vực đất ở tại đô thị và nông thôn nhưng không được cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đất ở, thì giá đất được tính bằng 1,5 lần so với mức giá đất trồng cây lâu năm hạng cao nhất cùng vùng do UBND tỉnh quy định.

c) Giá đất lâm nghiệp có mức giá từ 1.200đồng/m² đến 4.000đồng/m² tương ứng với từng loại đất. Đối với đất lâm nghiệp tại các phường thuộc thành phố Buôn Ma Thuột, thị trấn các huyện được tính bằng 1,5 lần mức giá tương ứng với từng loại đất. Tiêu chí phân hạng đất nông nghiệp các loại, HĐND tỉnh giao cho UBND tỉnh quy định cụ thể cho từng vị trí phù hợp theo từng hạng đất.

Điều 2. Giao cho UBND tỉnh quy định mức giá cụ thể cho các loại đất để áp dụng trên địa bàn tỉnh và báo cáo HĐND tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

Giao cho Thường trực HĐND, các Ban của HĐND và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày HĐND tỉnh thông qua và thay thế Nghị quyết số 34/2007/NQ-HĐND, ngày 21/12/2007 của

HĐND tỉnh khoá VII - kỳ họp thứ 9 về giá đất trên địa bàn tỉnh công bố ngày 01/01/2008.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Khoá VII - kỳ họp thứ 11 thông qua ./.

Nơi nhận: U. Trung

-Như Điều 2:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản-Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế-Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh uỷ;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh;
- Sở: Tư pháp, Tài chính, TNMT;
- Báo Đắk Lắk, Đài PTTH tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, Ct HĐND.

CHỦ TỊCH



Niê Thuật